

Mẫu số 01-A

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DAMIK
DAMIK GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No: 67/TB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Hai Phong, 19 January 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL REPORTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 04/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, DamiK Group Joint stock company hereby discloses its financial statements for the fourth quarter of 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/Organization name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK
DAMIK GROUP JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/Stock code: DKG
- Địa chỉ/Head office address: Lô 20, cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng/ Lot 20, Phu Thu Industrial Park, Nhi Chieu Ward, Hai Phong City
- Điện thoại liên hệ/Tel:0888 366 899 Fax:
- Email: info@damik.com Website: www.damik.com

2. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure content:

- BCTC quý 04 năm 2025/Financial statements for the fourth quarter of 2025
 - BCTC riêng/ Separate financial statements;
 - BCTC hợp nhất/ Consolidated financial statements;
 - BCTC tổng hợp/Aggregated financial statements
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/Cases requiring explanations:



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán)/*The audit organization gives an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory statement in the event of a "Yes" selection:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)/*Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after auditing, changing from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2024):*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory statement in the event of a "Yes" selection:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after corporate income tax in the income statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the corresponding period of the previous year:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory statement in the event of a "Yes" selection:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Profit after tax for the reporting period incurs a loss, or changes from profit in the corresponding period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory statement in the event of a "Yes" selection:*

Có/Yes

Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/01/2026 tại đường dẫn: www.damik.com

This information was disclosed on the Company's website on 20/01/2026 at the following link: www.damik.com

Tài liệu đính kèm:
Attached documents:
- BCTC quý 4/2025/
*Financial statements for the
fourth quarter of 2025*
- Văn bản giải trình/
Explanation document

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK
DAMIK GROUP JOINT STOCK COMPANY *re*

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quý Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07-08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-32

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho quý IV năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Quý Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2025
	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025
Ông Nguyễn Văn Hải	Giám đốc dự án đầu tư	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thanh Nhân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.150.835.140	95.927.282.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.457.997.399	4.773.345.890
1. Tiền	111		5.457.997.399	4.773.345.890
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.808.473.981	62.151.725.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.297.842.457	55.954.299.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.273.310.664	5.698.905.486
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.708.800.000	5.970.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.471.479.140)	(5.471.479.140)
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.945.908.060	28.228.182.759
1. Hàng tồn kho	141		20.945.908.060	28.228.182.759
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		938.455.700	774.028.415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	938.455.700	613.741.461
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	59.404.474
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	100.882.480
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.106.247.720	195.992.482.191
II. Tài sản cố định	220		87.170.178.493	110.209.087.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	87.024.247.044	110.209.087.115
- Nguyên giá	222		244.545.066.265	244.235.251.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(157.520.819.221)	(134.026.164.170)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	145.931.449	-
- Nguyên giá	228		168.382.441	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.450.992)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	28.956.467.651	26.198.629.597
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.956.467.651	26.198.629.597
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.600.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.379.601.576	59.584.765.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	53.379.601.576	59.584.765.479
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		255.257.082.860	291.919.765.101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.236.995.577	123.314.199.188
I. Nợ ngắn hạn	310		81.966.995.577	115.644.199.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.214.594.833	3.467.770.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	101.087.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	658.646.933	3.349.168.940
4. Phải trả người lao động	314		752.950.705	2.709.874.502
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	640.583.739	270.408.227
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	265.212.757	177.895.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	78.435.006.610	105.567.994.504
II. Nợ dài hạn	330		4.270.000.000	7.670.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	4.270.000.000	7.670.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.020.087.283	168.605.565.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	169.020.087.283	168.605.565.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		143.750.000.000	143.750.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		143.750.000.000	143.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.250.625.000	1.250.625.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.019.462.283	23.604.940.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.604.940.913	8.140.685.346
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		414.521.370	15.464.255.567
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		255.257.082.860	291.919.765.101


Nguyễn Thị Luyện
Người lập

Nguyễn Thị Luyện
Kế toán trưởngLê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý IV năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

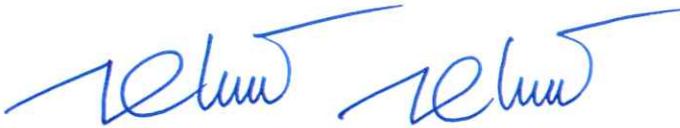
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		550.290.883	18.804.482.750
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		23.517.106.043	23.814.756.730
- Các khoản dự phòng	03		-	1.641.443.742
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.710.196)	(94.084.747)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.196.525)	(5.439.109)
- Chi phí lãi vay	06		6.488.779.312	9.084.156.904
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.536.269.517	53.245.316.270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.802.338.819	(19.048.437.171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.282.274.699	(1.740.704.054)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.313.416.479)	6.703.534
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.124.899.610	5.076.012.148
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.515.120.880)	(9.155.348.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.340.227.183)	(769.759.726)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(298.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.278.218.103	27.613.782.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.480.485.421)	(12.728.846.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	130.200.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.600.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.196.525	5.439.109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.076.288.896)	(12.593.206.980)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		190.939.591.223	154.020.185.821
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(221.472.579.117)	(177.393.883.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.532.987.894)	(23.373.697.428)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý IV năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		668.941.313	(8.353.122.238)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.773.345.890	13.032.776.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.710.196	93.691.627
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>5.457.997.399</u>	<u>4.773.345.890</u>



Nguyễn Thị Luyện
Người lập

Nguyễn Thị Luyện
Kế toán trưởng

Lê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800462363 do Sở Tài chính tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 143.750.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 143.750.000.000 đồng; trong đó 14.375.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK chính thức lên sàn Upcom vào ngày 22 tháng 04 năm 2025:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK.
- Mã cổ phiếu: DKG;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu thông thường;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 14.375.000 Cổ phiếu.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh vôi, dolomite.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vôi, dolomite;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm từ vôi, dolomite;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ đá vôi, dolomite.

Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 124 người (tại ngày 31/12/2024 là 142 người)

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Quý IV năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.682.473.033	3.934.271.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	775.524.366	839.074.816
	<u><u>5.457.997.399</u></u>	<u><u>4.773.345.890</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.600.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	3.600.000.000	-	-	-
	3.600.000.000	-	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	Khu Nhất Sơn, P. Nguyễn Đại Năng, TP.Hải Phòng	48,00%	48,00%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ bán hàng hóa, thành phẩm	40.297.842.457	(159.899.140)	55.954.299.500	(159.899.140)
	40.297.842.457	(159.899.140)	55.954.299.500	(159.899.140)
			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Trong đó:				
Các khoản phải thu khách hàng			40.095.138.957	55.036.086.740
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 33.)			202.703.500	918.212.760
			40.297.842.457	55.954.299.500

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác chiếm trên 10% tổng phải thu khách hàng ngắn hạn:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần DLH Global	31.307.516.480	-	44.434.590.316	-
Công ty TNHH Thương mại Phát triển L-D	5.124.388.180	-	1.303.115.064	-
	36.431.904.660	-	45.737.705.380	-

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Bùi Đức	515.852.166	-	2.602.353.400	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HT HD	4.410.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Thủy lợi Giang Sơn	1.770.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Thiên Sơn	1.065.978.600	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	(811.580.000)	811.580.000	(811.580.000)
Trả trước khác	2.699.899.898	-	2.284.972.086	-
	11.273.310.664	(811.580.000)	5.698.905.486	(811.580.000)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	250.084.832	-	457.149.920	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ ⁽¹⁾	1.768.800.000	-	1.470.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng ⁽²⁾	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Phải thu khác ⁽³⁾	2.440.000.000	-	-	-
	8.708.800.000	(4.500.000.000)	5.970.000.000	(4.500.000.000)

(1) Bao gồm:

- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Nhà máy vôi công nghiệp DLH, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 29 ngày 01/04/2023, số tiền 1.470.000.000 đồng;
- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Bến thủy nội địa, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 3464/KQ ngày 27/05/2025, số tiền 298.800.000 đồng;

(2) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh của Công ty với Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng, chuẩn bị cho việc ký và thực hiện hợp đồng liên doanh khai thác đá tại núi Thùm Thùm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng (nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng). Trong năm 2019 và 2020, Công ty thay mặt Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng nộp vào NSNN số tiền 3.647.714.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2020/HDDC ngày 19/12/2020. Tuy nhiên đến cuối năm 2021, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng thống nhất không tiếp tục thực hiện việc hợp tác kinh doanh, do đó Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng vẫn đang tiếp tục làm việc để thống nhất phương án thanh toán và chấm dứt việc hợp tác kinh doanh.

(3) Khoản phải thu tiền đặt cọc và tiền phạt vi phạm do không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú theo Hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2025 và Thanh lý hợp đồng đặt cọc ngày 27/12/2025.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Vật liệu công nghệ Cao Kim Nam	159.899.140	-	159.899.140	-
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	-	811.580.000	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	5.471.479.140	-	5.471.479.140	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	999.605.694	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.794.844.655	-	15.221.429.871	-
Công cụ, dụng cụ	414.734.018	-	428.437.915	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.176.234.053	-	2.159.012.377	-
Thành phẩm	6.621.742.040	-	10.419.302.596	-
Hàng hoá	938.747.600	-	-	-
	20.945.908.060	-	28.228.182.759	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	28.654.179.651	24.954.179.651
Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽¹⁾	209.263.500	209.263.500
Dự án Bến thùy Nội địa DLH ⁽²⁾	28.444.916.151	24.744.916.151
Mua sắm tài sản cố định	302.288.000	-
Xây dựng hệ thống PCCC	302.288.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.244.449.946
Chế tạo kết cấu thép mái che khu đóng hàng và thay tôn đỉnh lò	-	1.244.449.946
	28.956.467.651	26.198.629.597

(1) Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
- Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng);
- Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;
- Mục tiêu dự án: Sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite; chế biến vôi cục, dolomite qua nung, các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung và cho thuê sân bãi, nhà xưởng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
- Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến với đơn vị sản xuất khác;
- Diện tích đất sử dụng: 37.942 m² (gồm lô đất số CN4, CN6 có diện tích 21.445 m²; lô đất CN20 có diện tích 16.497 m² và diện tích đường nội bộ); Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/12/2025:
 - + Giai đoạn 1: Hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất với từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021 trên lô đất CN20- Thửa đất số 240 tờ bản đồ địa chính số 35, diện tích 16.497 m².
 - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lô đất CN4, CN6 với diện tích 21.445 m². Công ty đang thực hiện các thủ tục xin cấp phép xây dựng phần mở rộng dự án làm khu vực chế biến sản phẩm và điều chỉnh tiến độ thực hiện trên Chủ trương đầu tư.

(2) Dự án Bến Thù Nội địa DLH

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Damik (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
- Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mấu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng).
- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bến thù nội địa phục vụ bốc xếp, tập kết hàng hóa của các dự án trong Cụm công nghiệp Phú Thứ và khu vực lân cận.
- Quy mô dự án: 800.000 tấn/năm;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
- Tổng mức đầu tư tạm tính: 19.920 triệu VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 27 tháng 4 năm 2059;
- Diện tích đất sử dụng: 21.532 m². Trong đó, diện tích đất xin thuê 6.888,0 m² và Diện tích đất lưu không: 14.644 m²; Hình thức sử dụng đất: Từ năm 2025, thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;
- Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 30 tháng 06 năm 2026.

- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/12/2025:
 - + Giai đoạn 1: Hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hoàn thành trên phần diện tích 14.101,6 m² và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021.
 - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại, và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2025	101.952.873.158	134.857.359.555	628.668.000	238.350.000	244.235.251.285						
Mua sắm	-	82.117.000	188.888.889	-	309.814.980						
Phân loại lại	115.000.000	(115.000.000)	-	-	-						
Tại ngày 31/12/2025	102.067.873.158	134.824.476.555	667.477.091	238.350.000	244.545.066.265						
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2025	62.993.177.138	64.961.548.424	5.232.170.590	238.350.000	134.026.164.170						
Trích khấu hao	9.550.067.084	13.293.668.628	613.467.082	-	23.494.655.051						
Phân loại lại	(54.273.766)	54.273.766	-	-	-						
Tại ngày 31/12/2025	72.488.970.456	78.309.490.818	5.845.637.672	238.350.000	157.520.819.221						
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2025	38.959.696.020	69.895.811.131	1.325.829.982	27.749.982	110.209.087.115						
Tại ngày 31/12/2025	29.578.902.702	56.514.985.737	901.251.789	29.106.816	87.024.247.044						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 86.827.900.365 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.773.364.593 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Mua sắm	168.382.441	168.382.441
Tại ngày 31/12/2025	168.382.441	168.382.441
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Trích khấu hao	22.450.992	22.450.992
Tại ngày 31/12/2025	22.450.992	22.450.992
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	145.931.449	145.931.449

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	392.909.324	358.741.461
Chi phí bảo hiểm	131.046.388	183.000.000
Chi phí thuê đất	72.000.000	72.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	342.499.988	-
	938.455.700	613.741.461
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.653.759.296	7.423.721.333
Chi phí GPMB của dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽¹⁾	19.558.201.484	20.138.332.709
Tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 chờ phân bổ của Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH (2)	7.723.416.750	7.723.416.750
Chi phí GPMB Dự án Bến thủy nội địa DLH ⁽³⁾	20.292.027.455	20.927.698.887
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.152.196.591	3.371.595.800
	53.379.601.576	59.584.765.479

(1) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.

(2) Chi phí tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 của lô đất 21.445 m² thuộc dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH xác định theo Xác nhận số 7371/XN-CTHĐU ngày 26/08/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

(3) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Linh	-	-	1.744.447.840	1.744.447.840
Công ty TNHH Vận tải DLH	132.084.000	132.084.000	144.612.000	144.612.000
Công ty TNHH Khoáng sản Minh Hưng	262.526.520	262.526.520	-	-
Đối tượng khác	819.984.313	819.984.313	1.578.710.540	1.578.710.540
	1.214.594.833	1.214.594.833	3.467.770.380	3.467.770.380
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	132.084.000	132.084.000	238.798.488	238.798.488

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.325.562.167	803.490.612	-	-	522.071.555	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	6.515.543	58.945.893	65.461.436	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.340.227.183	135.769.513	3.340.227.183	-	-	135.769.513	-
Thuế Thu nhập cá nhân	100.882.480	-	239.538.941	137.850.596	-	-	805.865	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.426.214	399.612.767	402.038.981	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
	100.882.480	3.349.168.940	2.163.429.281	4.753.068.808	-	-	658.646.933	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	98.648.582	124.990.150
Chi phí phải trả khác	541.935.157	145.418.077
	<u>640.583.739</u>	<u>270.408.227</u>

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	255.490.100	102.859.800
Bảo hiểm xã hội	6.472.157	1.287.750
Bảo hiểm y tế	2.745.500	227.250
Bảo hiểm thất nghiệp	505.000	101.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	73.419.355
	<u>265.212.757</u>	<u>177.895.155</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2025		Trong kỳ		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn <i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽¹⁾	78.167.994.504	78.167.994.504	190.939.591.223	(194.072.579.117)	75.035.006.610	75.035.006.610
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.400.000.000	27.400.000.000	3.400.000.000	(27.400.000.000)	3.400.000.000	3.400.000.000
	105.567.994.504	105.567.994.504	194.339.591.223	(221.472.579.117)	78.435.006.610	78.435.006.610
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽²⁾	35.070.000.000	35.070.000.000	-	(27.400.000.000)	7.670.000.000	7.670.000.000
	35.070.000.000	35.070.000.000	-	(27.400.000.000)	7.670.000.000	7.670.000.000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	27.400.000.000	27.400.000.000	3.400.000.000	(27.400.000.000)	3.400.000.000	3.400.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.670.000.000	7.670.000.000			4.270.000.000	4.270.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 362/2025-HĐCVHM/NHCTKCNHĐ 15 ký ngày 10/11/2025 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần tập đoàn Damik bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 75.035.006.610 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư Số 255/2022-HĐCVDADT/NHCTKCNHD15 ngày 03/08/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thực hiện Dự án đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo lò SK5";
 - + Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
 - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2025 là 7.670.000.000 VND; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 3.400.000.000 VND.

Tài sản thế chấp chung cho các hợp đồng vay trên bao gồm: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất đã, đang và sẽ được hình thành trong tương lai; Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất với công nghiệp (Thuộc dự án nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH – Giai đoạn 1); Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; Quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...); Tài sản là nguyên vật liệu, vật tư phục vụ kinh doanh sản xuất với, và các máy móc thiết bị là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH; Hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH giai đoạn 2; Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH –Giai đoạn 2 và các tài sản thế chấp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024				
Tại ngày 01/01/2024	143.750.000.000	1.250.625.000	8.140.685.346	153.141.310.346
Lãi trong kỳ trước	-	-	15.464.255.567	15.464.255.567
Tại ngày 31/12/2024	<u>143.750.000.000</u>	<u>1.250.625.000</u>	<u>23.604.940.913</u>	<u>168.605.565.913</u>
Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025				
Tại ngày 01/01/2025	143.750.000.000	1.250.625.000	23.604.940.913	168.605.565.913
Lãi trong kỳ này	-	-	414.521.370	414.521.370
Tại ngày 31/12/2025	<u>143.750.000.000</u>	<u>1.250.625.000</u>	<u>24.019.462.283</u>	<u>169.020.087.283</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Đặng Đức Minh	33,35%	47.942.000.000	33,35%	47.942.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	35,48%	51.000.000.000	35,48%	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	20,00%	28.750.000.000	20,00%	28.750.000.000
Cổ đông khác	11,17%	16.058.000.000	11,17%	16.058.000.000
	<u>100%</u>	<u>143.750.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>143.750.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	143.750.000.000	143.750.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>143.750.000.000</i>	<i>143.750.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>143.750.000.000</i>	<i>143.750.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.375.000	14.375.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.375.000</i>	<i>14.375.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.375.000	14.375.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.375.000</i>	<i>14.375.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	832,68	970,52

23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	211.282.238.888	337.452.828.764
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.000.000	24.000.000
	<u>211.306.238.888</u>	<u>337.476.828.764</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)</i>	<u>1.713.087.500</u>	<u>1.246.545.500</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	195.492.023.018	298.204.453.353
	<u>195.492.023.018</u>	<u>298.204.453.353</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.196.525	5.439.109
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.209.024	21.764.992
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	15.710.196	94.084.747
	<u>30.115.745</u>	<u>121.288.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.488.779.312	9.084.156.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.723.680	18.634.228
	<u>6.490.502.992</u>	<u>9.102.791.132</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	556.105.725	612.717.148
Chi phí nhân công	490.897.020	836.810.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.851.120	1.083.624.736
Chi phí khác bằng tiền	320.000	27.169.500
	<u>1.358.173.865</u>	<u>2.560.321.877</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	147.958.022	222.148.876
Chi phí nhân công	2.326.115.064	2.791.497.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.180.068	332.943.468
Thuế, phí, lệ phí	415.939.040	207.650.759
Chi phí dự phòng	-	1.641.443.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.160.623.744	2.708.785.822
Chi phí khác bằng tiền	3.118.484.642	948.808.182
	<u>7.536.300.580</u>	<u>8.853.278.669</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Quý IV năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	550.290.883	18.804.482.750
Các khoản điều chỉnh tăng	144.266.880	79.648.755
- Chi phí không hợp lệ	50.182.133	79.648.755
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	94.084.747	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.710.196)	(2.182.995.589)
- Chi phí lãi vay năm trước chuyển sang	-	(2.088.910.842)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(15.710.196)	(94.084.747)
Thu nhập tính thuế TNDN	678.847.567	16.701.135.916
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	135.769.513	3.340.227.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.340.227.183	769.759.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.340.227.183)	(769.759.726)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	135.769.513	3.340.227.183

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	414.521.370	15.464.255.567
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	414.521.370	15.464.255.567
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.375.000	14.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.076

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.888.253.910	224.407.020.755
Chi phí nhân công	20.530.200.125	29.834.217.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.517.106.043	23.790.756.730
Chi phí thuế, phí, lệ phí	415.939.040	1.641.443.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.230.573.423	18.501.704.663
Chi phí khác bằng tiền	3.404.208.676	10.269.988.543
	206.986.281.217	308.445.131.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	Có cùng chủ tịch HĐQT, thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế An Phú Sơn	Có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam	Có thành viên HĐQT là Chủ tịch Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Holding	Có thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Vôi công nghiệp Long Sơn	Có thành viên HĐQT là Giám đốc, đồng thời là chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	Chủ tịch HĐQT là vợ ông Đặng Đức Minh

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 31/12/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 31/12/2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	1.713.087.500	1.246.545.500
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	290.450.000	963.945.000
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	-	3.278.320.500
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	3.699.786.650	14.984.717.890
Công ty TNHH Vận tải DLH	1.511.075.000	4.107.723.705
Tạm ứng		
Bùi Văn Tuấn	-	3.000.000.000

